

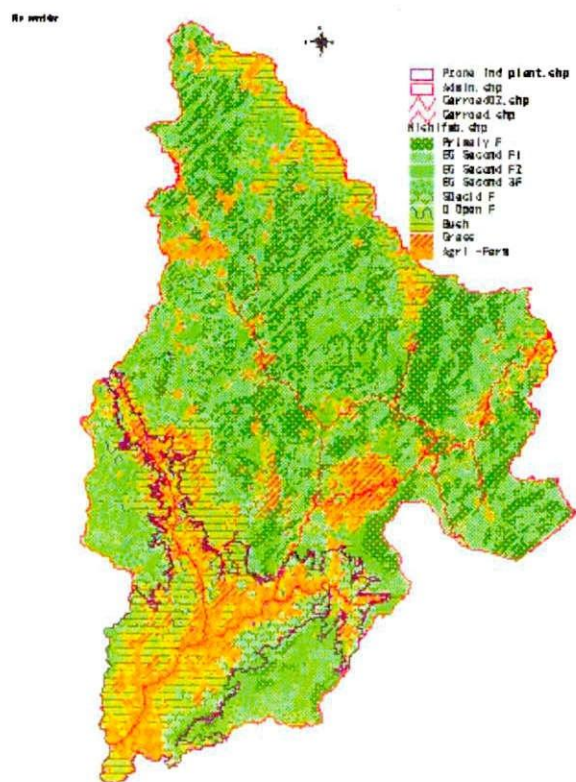
3.4.3 Trảng cỏ và rừng cây bụi

Mặc dù huyện Kong Plong là một trong những địa phương có tỷ lệ tàn che cao hơn tỷ lệ bình quân ở Việt Nam, vẫn còn có một diện tích đáng kể đất trảng cỏ đang được mở rộng. Đồng cỏ cũng đang tăng đặc biệt là ở vùng phòng hộ phía Đông - bắc, nơi mà rừng phải được duy trì độ che phủ cho bảo tồn nguồn nước chảy tới Quảng Ngãi. Hơn nữa, ở những khu vực dọc theo sông Dak Aloi, và ở phía Nam sông Kak Nei, dân số và đất nông nghiệp đã và đang gia tăng và tạo ra sức ép lên vùng đất dốc. Đã quan sát được hiện tượng đốt rừng khộp ở đây. Việc tái trồng rừng trên đất trảng cỏ như vậy là một mục tiêu của qui hoạch tổng thể này.

(1) Những vùng sẽ được trồng rừng với mục đích công nghiệp (vùng có độ cao so với mặt biển thấp)

Trảng cỏ ở độ cao trên 1.000 m hoặc thấp hơn 1.000 m so với mặt nước biển thuộc phạm vi có thể trồng các loài cây như bạch đàn và keo. Đầu tư có thể mang lại lợi nhuận. Việc sản xuất gỗ nguyên liệu giấy đang được các công ty giấy xúc tiến trong và ngoài tỉnh Kon Tum và Pleiku. Với việc hình thành một mạng lưới buôn bán liên kết với hệ thống sản xuất gỗ này, khả năng sản xuất gỗ nguyên liệu giấy là cao. Gần đây, theo như tin đã đưa có một công ty sản xuất giấy đang lập kế hoạch xây dựng một nhà máy giấy ở tỉnh Kon Tum. Để phục vụ cho nhà máy giấy, khởi đầu công ty này trồng mới khoảng 130.000 ha rừng đến năm 2020. Về cơ bản thì vùng mục tiêu trồng rừng nằm trong những vùng đã đề xuất cho trồng rừng công nghiệp trong Qui hoạch tổng thể này. Vì vậy, hy vọng việc trồng rừng công nghiệp theo đề xuất sẽ được thực hiện với sự cộng tác chặt chẽ của công ty này.

Vùng dự kiến hầu như được trình bày tại Hình I-3.4.2. Tuy nhiên, vùng này cũng là một vùng đất nông nghiệp, chông lán với vùng làm nương rẫy trên các sườn dốc, để trồng sắn, do thiếu đất nông nghiệp và thiếu đồng lúa. Khi cho công ty tư nhân đảm nhiệm các hoạt động trồng rừng, cần tránh tranh chấp với dân cư địa phương và cần dành thời gian lập kế hoạch trước với sự tham gia của người dân. Nhìn chung, quyền sử dụng đất truyền thống, áp dụng đối với đất bỏ hóa, đã được các thành viên luật tục của buôn làng phê duyệt. Người ta nói rằng, nếu một công ty tư nhân cố gắng bãi bỏ quyền sử dụng đất truyền thống của người dân bằng những biện pháp mạnh mẽ, sử dụng quyền hạn cấp đất quốc gia do một tổ chức chính phủ tiến hành, thì những giá trị trồng rừng công nghiệp sẽ bị mất đi do thường xuyên xuyên xuất hiện tranh chấp và cháy rừng. Những nhà tổ chức chính sách nên để ý tới nhiều trường hợp, nhiều bài học kinh nghiệm thực tiễn từ những hoạt động trồng rừng của những công ty trong và ngoài nước,



Hình I-3.4.2 Vùng mục tiêu trồng rừng công nghiệp

đã bị thất bại. Đây là động lực mạnh mẽ cho phát triển và ứng dụng các chính sách lâm nghiệp xã hội ở những nước đang phát triển.

(2) Những vùng sẽ được trồng rừng để phục hồi chức năng rừng

Hầu hết đất trống và trắng cỏ, có độ cao 1.000 m hoặc hơn 1.000 m so với mặt biển, là những diện tích nhỏ hình thành do đốt nương làm rẫy hoặc do đất bỏ hóa. Những vùng cách thôn 1 km hay hơn 1 km có đường vào rất khó khăn. Vì vậy, khả năng chuyển đổi vùng đất này thành đất trồng rừng do hộ gia đình đảm nhận là rất khó. Một vùng như vậy được dự kiến duy trì quản tra nhằm ngăn chặn việc mở rộng nương rẫy và hy vọng vùng này sẽ được phục hồi tự nhiên. Cần phải lưu ý rằng vùng trắng cỏ và đất trống trong cự ly khoảng 1 km từ buôn làng sẽ được người dân sử dụng. Mặc dù phần diện tích có thể được sử dụng là đồng lúa hay đất canh tác cố định, thì vẫn nên sử dụng hầu hết diện tích này làm nông - lâm kết hợp hay là đất nông nghiệp xen đồng cỏ và bằng cách nào đó tạo điều kiện cho cây che kín mặt đất. Đồng cỏ cách buôn làng khoảng 1 km là một vùng mục tiêu chính của Chương trình hỗ trợ người dân tự xúc tiến việc sử dụng đất theo cách như vậy.

Với quan điểm duy trì tính đa chức năng của rừng (bảo vệ đất và nước), chúng tôi loại trừ những hoạt động có ảnh hưởng tiêu cực tới khả năng thể hiện chức năng do mất tán rừng tại những vùng khai thác. Ngoài ra, những vùng được bảo vệ đã được đặt ra ngoài vùng sản xuất gỗ. Hiện tại có nhiều diện tích trắng cỏ còn tồn tại trong những vùng như vậy không được coi là những vùng mục tiêu cho khai thác gỗ. Vùng được phân loại là rừng cây bụi cũng có thể là một lập địa mục tiêu cho cải thiện lâm phần cây rừng ở vùng phòng hộ.

(3) Các vùng cần trồng rừng và cải thiện lâm phần

Hầu hết đất trắng cỏ đều có xuất xứ từ nương rẫy. Đối với các nhà lâm nghiệp, sẽ là lý tưởng nếu có những nỗ lực để tái sinh tự nhiên hay nhân tạo tất cả diện tích trắng cỏ này thành đất lâm nghiệp. Tuy nhiên, trong thực tế, rất có khả năng là những người có quyền sử dụng đất truyền thống một cách chính đáng vẫn làm nương rẫy ở hầu hết diện tích đất đồng cỏ và chờ độ phì khôi phục. Ngoài ra, không thể hạn chế việc sử dụng trắng cỏ như là đất nông nghiệp ở những vùng xung quanh thị trấn Kong Plong và dọc sông Dak Aloi, nơi có độ cao dưới 1.000 m so với mặt biển và dân số đang gia tăng. Thậm chí, nếu tiến hành trồng rừng tương tự như vậy, thì mục đích sử dụng rừng sau khi trồng sẽ khác nhau giữa các buôn trong vùng đặc dụng như các xã Dak Ring và Ngọc Tem và các buôn nằm trong những vùng rừng sản xuất như xã Măng Cành, và có khả năng là những người trồng rừng sẽ có thu lợi ích rất khác nhau. Hơn nữa, các loài cây trồng có thể sẽ khác nhau trong từng lập địa. Khi xem xét các điều kiện tự nhiên, xã hội của các vùng như vậy, cần nghiên cứu phương án nào hiện thực hơn, trồng rừng trên đất trắng cỏ hiện có, chuyển thành đất nông - lâm kết hợp hay cho phép mở rộng đất nông nghiệp, theo những đặc điểm cụ thể của từng vùng.

Những vùng mục tiêu trồng rừng bao gồm cả đất trắng cỏ, đất trống và cây bụi hiện có, trừ những vùng mục tiêu cho chương trình hỗ trợ người dân. Ở những vùng dưới sự kiểm soát của các LT, các LT chủ yếu chịu trách nhiệm xúc tiến trồng rừng theo hợp đồng thuê lao động với người dân. Tuy nhiên, theo nội dung của Quyết định 661 của Chính phủ, thì nên để các nhóm dân cư xúc tiến trồng rừng theo hợp đồng ở những nơi có thể. Từ quan điểm này, chương trình trồng rừng và chương trình hỗ trợ dân cư địa phương là hai mặt của một vấn đề. Những người điều hành chương trình trồng rừng cần luôn luôn

xem xét khía cạnh tạo cơ hội cho dân có thu nhập để bổ sung cho chương trình hỗ trợ dân cư địa phương và ưu tiên cho họ.

Để cải tạo các chức năng của rừng và tăng sản lượng gỗ trong tương lai, cần tăng giá trị của rừng cây bụi, rừng thứ sinh non và cải tạo lâm phần. Việc cải tạo lâm phần bao gồm những hoạt động sau:

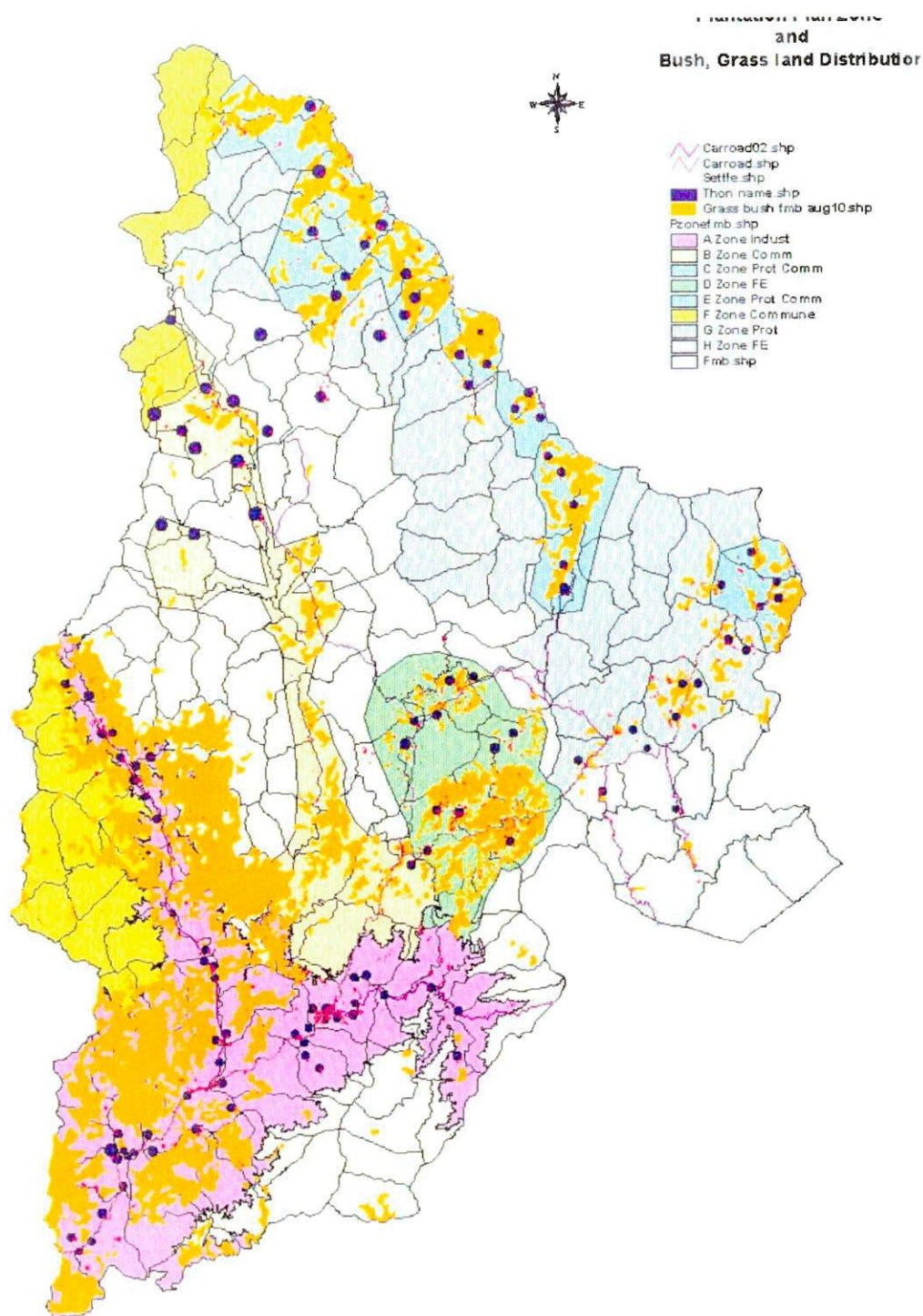
- Trồng cây hữu ích theo hàng, hay trồng xen sau khi loại bỏ phần cây bụi.
- Trồng những loài cây có ích theo hàng, hay theo các ô trồng nhỏ xuất hiện trong một lâm phần vì nhiều lý do khác nhau.
- Phát quang cải thiện tăng trưởng của các cây non đang mọc tự nhiên.
- Tỉa thưa những cây cạnh tranh để xúc tiến tăng trưởng các cây có thân đẹp.

Những hoạt động này đòi hỏi cần nhắc thận trọng và chăm sóc phù hợp với từng vùng này. Cần rất nhiều thời gian để những nỗ lực này mang lại kết quả. Rất khó vận động người dân đầu tư vào vùng đất cây bụi gần nơi các cộng đồng sinh sống, mặc dù mà đây lại là những vùng mục tiêu của chương trình hỗ trợ cư. Vì vùng đất gần các cộng đồng dân cư sinh sống là vùng đất giành riêng cho dân làng sử dụng trong tương lai, nên đầu tư dài hạn với ý định sản xuất gỗ là không phù hợp với vùng này. Vì vậy, cải tạo lâm phần là hoạt động bổ sung cho chương trình hỗ trợ dân cư địa phương và hướng vào việc sử dụng đất có cây bụi và những khu rừng thứ sinh còn non do các LT quản lý, ngoài các vùng mục tiêu của chương trình hỗ trợ dân cư địa phương. Tin rằng người dân sẽ hợp đồng cải thiện lâm phần như là một phần của chương trình giảm thiểu lương thực. Tại các buôn làng là đối tượng mục tiêu của chương trình cải thiện nhu cầu cơ bản của con người, xúc tiến hợp đồng bảo vệ rừng như trước đây và tạo cơ hội thu nhập qua các hoạt động cải tạo lâm phần thuộc về vai trò quan trọng của các LT.

Điều kiện tự nhiên ảnh hưởng rất nhiều đến trồng rừng. Qui trình trồng rừng phải được quyết định theo mục đích của dự án trồng rừng, các loài cây hiện có và các mặt kinh tế - xã hội của người dân cư địa phương. Đặc biệt là mối quan hệ với chương trình hỗ trợ dân cư trong vùng điều tra nghiên cứu là rất quan trọng. Nguyên tắc của qui hoạch tổng thể như sau:

- Các kế hoạch trồng rừng cho từng vùng được nghiên cứu được chia thành các khu vực giống nhau như trong chương trình hỗ trợ dân cư, nên được xem xét riêng trong qui hoạch tổng thể.
- Trồng rừng do dân thực hiện nên được xúc tiến thông qua hợp đồng với dân cư địa phương.
- Từ quan điểm trồng rừng, các vùng như nêu ở trên đã được xem xét.

Hình I-3.4.3 mô tả qui mô đất trống cỏ và cây bụi sẽ là mục tiêu cho trồng rừng ở từng khu vực.



Hình I-3.4.3 Quy mô trồng cỏ và đất có cây bụi là mục tiêu trồng rừng trong từng vùng

Khu vực A được đề cập trước đây có độ cao dưới 1.000 m so với mặt biển và là vùng có thể trồng các loài cây mọc nhanh và có chu kỳ ngắn như keo và bạch đàn. Vùng này có nhiều dân cư sinh sống và có tỷ lệ rừng thấp nhất hiện nay. Nếu vùng dự án hỗ trợ dân cư địa phương được đề cập dưới đây có khoảng cách 1 km từ các buôn, thì hầu hết diện tích này sẽ nằm trong chương trình. Rừng liền khoảnh rất có hạn. Đất trang trại, đất trồng cỏ, đất bỏ hóa sau nương rẫy hay đất không được sử dụng phân bố rất phức tạp. Quyền sử dụng đất chính thức hay không chính thức cũng phức tạp. Nếu không có giải

pháp hữu hiệu thì rất có thể là là diện tích đất nông nghiệp sẽ mở rộng ở khu vực này. Mặt khác, đây là tuyến đầu ngăn chặn sức ép dân số và ngăn chặn lấn chiếm rừng để bảo vệ những vùng bên trong rừng, ngăn chặn việc xâm lấn vào sâu trong vùng rừng và đe dọa đến quản lý rừng bền vững. Về nguyên tắc, trong vùng này cần cố gắng trồng rừng trên đất trảng cỏ, đất trống và rừng thứ sinh, trừ những vùng giành cho chương trình hỗ trợ dân cư, càng nhiều càng tốt. Ngoài ra, cần trồng lại rừng trên một phần đất nông nghiệp (đất trống, đất nông nghiệp ít được sử dụng), có thể theo hình thức nông - lâm kết hợp. Sẽ trồng rừng công nghiệp, chủ yếu làm nguyên liệu giấy, theo định hướng của các công ty giấy hoạt động ở Kon Tum hay Gia Lai, hay theo hợp đồng giữa các công ty giấy với người dân có quyền sử dụng đất làm nương rẫy truyền thống.

Khu vực B là một vùng hẹp dọc theo Sông Dak Nghe và một cánh đồng lúa có núi bao bọc xung quanh, với một loài cây đặc thù là thông nhựa. Khu vực này bao gồm những vùng do các LT của Măng Cành I và II, Dak Ruong và Tân Lập quản lý. Diện tích đất nương rẫy dọc bờ sông không rộng và hiện tại do người dân tộc thiểu số sử dụng. Nếu cứ để như hiện nay, thì khu vực này rất có thể sẽ bị mất rừng, giống như khu vực A. Hy vọng sẽ áp dụng chế độ ăn chia lợi nhuận từ việc cùng quản lý rừng giữa người dân và các LT chủ yếu đối với rừng trồng thông. Một trong những biện pháp mà các LT áp dụng là cung cấp vật liệu sản xuất cây con, chuẩn bị hỗ trợ kỹ thuật, cung cấp kinh phí và thanh toán lại tại thời điểm có thu hoạch. Do diện tích rừng trồng của mỗi hộ không lớn, nên hệ thống phối hợp với các LT để tiêu thụ lâm sản cũng sẽ là cần thiết.

Trong khu vực C, trảng cỏ tại các vùng phòng hộ thuộc các xã Dak Ring và Ngọc Tem được xem như là vùng mục tiêu. Khu vực này hầu hết có độ cao dưới 1.000 m so với mặt biển và có thể trồng các loài cây công nghiệp. Tuy nhiên, những vùng ngoài vùng mục tiêu cho chương trình hỗ trợ người dân được phân bố theo những đơn vị nhỏ và hầu hết nương rẫy nằm rải rác trong những vùng sâu, hẻo lánh và khó có thể phát triển rừng trồng công nghiệp. Tại khu vực này nên ưu tiên có các biện pháp ngăn ngừa mở rộng nương rẫy bằng các hoạt động khác nhau trong chương trình hỗ trợ dân cư và giám sát tái sinh tự nhiên của các đồng cỏ, rừng cây bụi và rừng thứ sinh. Việc lập kế hoạch thực hiện các biện pháp trồng cây cải tạo rừng dưới tán rừng trên những diện tích phân tán trong các khu rừng thưa thớt, không được đưa vào vùng khai thác gỗ, là rất không thực tế từ góc độ về lợi ích của dân và khả năng quản lý của BQLRPH và các xã. Vì vậy, trong qui hoạch tổng thể này, các biện pháp trồng rừng trong khu vực nằm ngoài chương trình hỗ trợ dân cư không được đề xuất.

Khu vực D là đất đồng cỏ nằm ở xã Măng Cành, phần lớn diện tích này hiện nay đã được trồng rừng. Khu vực này bao gồm nhiều gò đồi và suối nhỏ rất đẹp. Các cánh đồng lúa vùng núi phân bố quanh các con suối nhỏ. Cây thông ba lá được trồng chủ yếu ở khu vực này, nhưng kết quả trồng rừng không đáp ứng mong đợi do sâu bệnh gây hại. Điều kiện đất đai không phù hợp được xem là một nguyên nhân cản trở sự tăng trưởng của cây trồng. Mặc dù rừng cây ở các vùng đất đồng cỏ khác là lẽ tất nhiên, nhưng ở sẽ là thực tế nếu hoãn các hoạt động trồng rừng, trừ những vùng trong các cánh rừng phòng hộ thuộc tiểu khu 484, 485 và 489, và để theo dõi tái sinh tự nhiên. Nhiều buôn nằm rải rác trong vùng này là nơi có khả năng sẽ áp dụng nông - lâm kết hợp trong chương trình hỗ trợ dân cư. Hy vọng có sự hợp tác tích cực của các LT để canh tác lúa tại những thung lũng nhỏ. Nghiên cứu khả năng trồng lại rừng tại thời điểm người dân có sự hợp tác tích cực và tham gia các hoạt động trồng rừng là việc làm cần thiết.

Khu vực E giành làm đồng cỏ dưới sự kiểm soát của LT Măng La. Đó cũng là một khu rừng phòng hộ và nằm gần đường quốc lộ. Trồng rừng ở những vùng được bảo vệ được coi là hoạt động chính của LT Măng La. Vì vậy, hy vọng sẽ được sử dụng ngân sách từ

chương trình 661 càng nhiều càng tốt, và sẽ tổ chức các hoạt động khoán trồng rừng với các hộ gia đình sống ở những vùng nằm ngoài chương trình hỗ trợ dân cư. Khu vực này nằm ở độ cao trên 1.000 m so với mặt biển, nên không giành cho trồng rừng công nghiệp, trừ cây thông nhựa là loài cây phát triển tốt nhất.

Khu vực F, với độ cao từ 1.000-1.300 m so với mặt biển, là một vùng rừng sản xuất ngoài khu vực các LT. Vùng phía Bắc do Xã Dak Ring quản lý và vùng phía Nam do xã Dak Koi quản lý. Do những khu rừng xung quanh tương đối non và không có đủ trữ lượng cho chặt chọn, nên những vùng bị phá rừng tiếp tục được theo dõi để có thể tái sinh và phục hồi tự nhiên. Có thể trong tương lai sẽ trồng cây họ dầu trong một vùng có độ cao so với mặt biển tương đối thấp, nhưng chưa nên tiến hành trồng đại trà vì còn thiếu kinh nghiệm kỹ thuật. Vì vậy, hoạt động trồng rừng một cách có hệ thống trong vùng này hiện tạm ngừng. Cần tiến hành các hoạt động trồng rừng để ngăn chặn sự xâm lấn vào vùng rừng tự nhiên đang được khoanh nuôi cho tương lai, bằng cách hình thành khu vực trồng rừng như là một hoạt động phổ cập của chương trình hỗ trợ buôn làng.

Những vùng mục tiêu trong Khu vực G bao gồm nương rẫy có diện tích nhỏ, phân bố rải rác trong rừng tự nhiên thuộc khu vực rừng phòng hộ. Những vùng đất đồng cỏ không nằm trong chương trình hỗ trợ dân cư địa phương thì không rộng lắm. Thông qua chương trình hỗ trợ dân cư địa phương, ưu tiên cao nhất được giành cho việc ngăn chặn mở rộng diện tích nương rẫy và hy vọng sẽ có thể kêu gọi được người dân khôi phục nương rẫy thành trang trại nông - lâm kết hợp và đất lâm nghiệp. Chưa có kế hoạch tiến hành các hoạt động trồng rừng một cách có hệ thống trong vùng này.

Trong khu vực H, đất đồng cỏ trong vùng rừng sản xuất sẽ được chặt chọn dưới sự kiểm soát của các LT, nằm ngoài các vùng mục tiêu của chương trình hỗ trợ dân địa phương. Dự kiến sẽ có các hoạt động trồng rừng theo sự chủ động của các LT. Tất nhiên, vùng này giành cho trồng rừng công nghiệp để sản xuất gỗ. Tuy nhiên, do vùng này hầu như có độ cao từ 1.200m -1.400m so với mặt biển và loài cây trồng chính là thông nhựa, nên không phải lúc nào cũng hy vọng là sẽ có sản lượng cao. Trong tương lai, hy vọng ở vùng này sẽ trồng những loài cây bản địa có ích và tổ chức nghiên cứu trồng rừng đối với nhiều loài cây khác nhau hình thành rừng tự nhiên. Theo phương châm trả lại càng nhiều càng tốt cho rừng những lợi nhuận thu được từ khai thác gỗ, cần trồng lại rừng ở đây, chừng nào kinh phí còn cho phép. Vì diện tích có hạn, vùng này được tổng hợp vào kế hoạch trồng rừng theo điều kiện quản lý của LT.

3.4.4 Rừng dự kiến cho sản xuất gỗ thông thường

Rừng ở huyện Kong Plong chủ yếu là nằm dưới sự quản lý của sáu lâm trường và một Ban quản lý rừng phòng hộ. Những vùng không do lâm trường và ban quản lý được đặt dưới sự kiểm soát của đơn vị lâm nghiệp đóng ở từng xã.

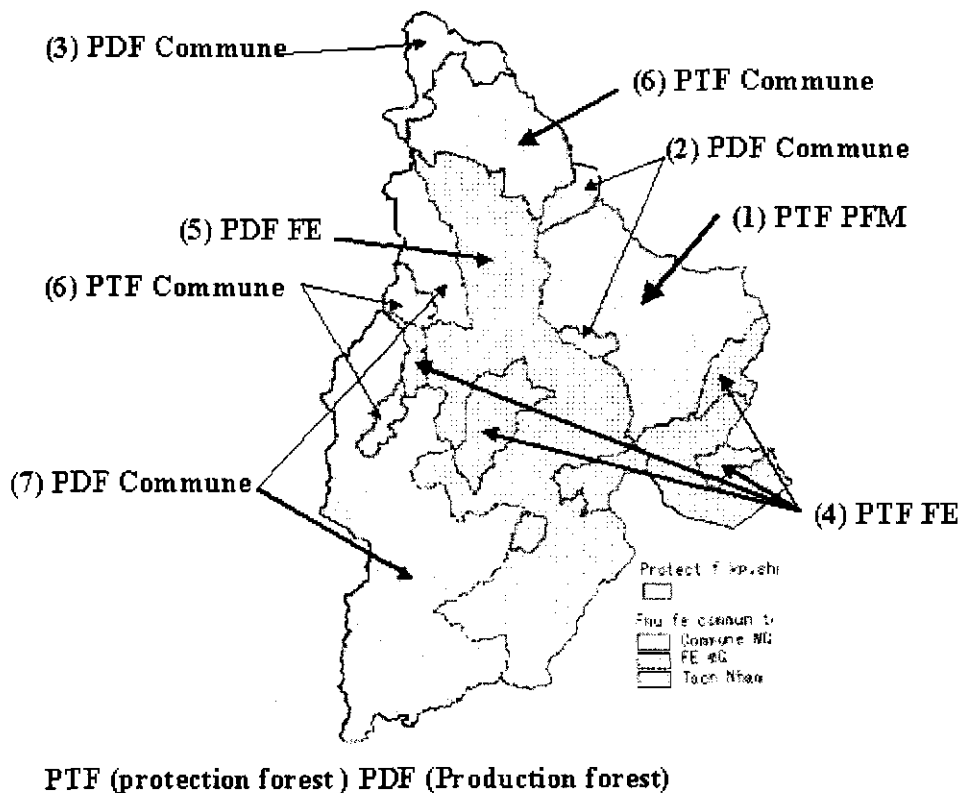
Mục đích quản lý chính của rừng phòng hộ Thạch Nham do BQLRPH quản lý và rừng phòng hộ do xã Dak Ring quản lý là để bảo vệ những cánh rừng trong những vùng này một cách nghiêm ngặt. Đương nhiên là sản xuất gỗ bền vững không được lập kế hoạch trong vùng này.

Những vùng do đơn vị lâm nghiệp xã kiểm soát (Xã Măng But, Dak Koi, Dac Ruong, Tân Lập, Dac Tre và thị trấn Kong Plong) thường là trung tâm hoạt động nông nghiệp ở huyện Kong Plong. Vùng rừng phân tán và rừng tự nhiên còn lại đã bị suy thoái do ảnh hưởng của khai thác và đốt rừng. Tại vùng này, theo quy định, các công ty hay cá nhân được uỷ ban nhân dân giao đất để quản lý rừng và khai thác gỗ sau khi đã lập kế hoạch điều chế rừng và được phê duyệt.

Tuy nhiên, hiện nay đơn vị lâm nghiệp của từng xã coi việc duy trì và bảo vệ vốn rừng hiện có là một nguyên tắc quản lý. Hiện chưa có một tổ chức có hệ thống để thanh tra các kế hoạch khai thác và giám sát việc thực hiện. Rừng tự nhiên đáp ứng được điều kiện chặt chọn rất hạn hữu. Với tình hình trên, việc sản xuất gỗ không được qui hoạch trong vùng này. Ngoài ra, trong những khu rừng phòng hộ ở các xã Dak Ring và Ngọc Tem, không lập kế hoạch khai thác gỗ vì những lý do giống như đã đề cập ở trên. Từ đánh giá tổng hợp, quản lý rừng tự nhiên để sản xuất gỗ liên tục sẽ không được tiến hành ở những nơi nằm ngoài vùng kiểm soát của các lâm trường.

3.5 Hướng dẫn hoạt động lâm nghiệp theo các đơn vị tác nghiệp

Từ quan điểm hoạt động lâm nghiệp, huyện Kong Plong đại khái được chia thành vùng rừng tự nhiên giành cho sản xuất gỗ theo phương thức chặt chọn và vùng đồng cỏ hiện có là mục tiêu của hoạt động trồng rừng. Những vùng gần các buôn giành cho chương trình hỗ trợ dân cư địa phương xen lẫn trong những vùng trên, do nhiều cơ quan có thẩm quyền khác nhau quản lý và kiểm soát. Mục này đề cập đến những vấn đề cụ thể của hoạt động lâm nghiệp, hoạt động trồng rừng và chương trình hỗ trợ dân cư địa phương theo đặc điểm của các cơ quan quản lý hành chính và điều kiện tự nhiên xã hội của từng vùng. Vùng mục tiêu được chia thành 7 nhóm như được trình bày trong Hình I-3.5.1.



Hình I-3.5.1 Những vùng được chia thành 7 nhóm cho hướng dẫn hoạt động lâm nghiệp

- (1) Rừng phòng hộ do Ban Quản lý Rừng phòng hộ quản lý
- (2) Rừng sản xuất do các xã quản lý (có vị trí kết nối với rừng phòng hộ quan trọng)
- (3) Rừng sản xuất do các xã quản lý (có vị trí cô lập)
- (4) Rừng phòng hộ do các Lâm trường quản lý
- (5) Rừng sản xuất do các Lâm trường quản lý
- (6) Rừng phòng hộ do các xã quản lý
- (7) Rừng sản xuất do các xã quản lý (rừng phân bố phân tán/có diện tích nhỏ)

(1) Rừng phòng hộ do Ban quản lý rừng phòng hộ Thạch Nham quản lý (vùng bảo vệ nghiêm ngặt)

a. Hoạt động khai thác

Về cơ bản, cấm các hoạt động khai thác gỗ thương phẩm.

b. Phục hồi rừng thứ sinh tự nhiên và đất có cây bụi.

Trong trường hợp phục hồi rừng thứ sinh tự nhiên (cải thiện lâm phần, tạo điều kiện phát triển hoặc tái sinh cây ưu thế), có thể cho phép người dân tộc thiểu số chặt đi những cây có đường kính ngang ngực dưới 14cm để sử dụng tại địa phương. Những công việc phục hồi tái tạo rừng như thế này phải được thực hiện trên căn bản thỏa thuận hợp đồng giữa đơn vị quản lý và các hộ gia đình, có sự xác nhận của cấp chính quyền buôn làng (Trưởng buôn, già làng.v.v.). Những công việc hợp đồng cần được tiến hành một cách công khai, tin tưởng và mỗi một người dân đều có thể xác định các công việc một cách chính thức và không chính thức.

c. Hoạt động trồng rừng.

Khu vực đồng cỏ chung quanh buôn làng và những vùng ngoại vi của chương trình hỗ trợ buôn làng cần phải được trồng cây trở lại. Mục tiêu trồng cây là phục hồi môi trường, do đó các loài cây trồng phải được chọn từ những cây đã hiện hữu trong khu vực chung quanh. Cây giống có thể thu gom từ cây mọc tự nhiên trong rừng.

d. Chương trình hỗ trợ buôn làng.

Các hoạt động quan trọng nhất là giúp đỡ hệ thống vệ sinh và cung cấp nước cần cho đời sống sinh hoạt của nhân dân. Thứ hai là phổ cập về sử dụng đầy đủ và bền vững các sản phẩm ngoài gỗ, nếu không làm ảnh hưởng đến tầng rừng và hệ sinh thái trong những cánh rừng tự nhiên. Thứ ba là đất đồng cỏ quanh các buôn làng, người dân sẽ được quyền phát triển trang trại của họ nếu họ đồng ý và triển khai các hoạt động nông - lâm kết hợp (trồng rừng hỗn giao với những sản phẩm theo hướng cây rừng và cây công nghiệp mọc nhanh, và chăn nuôi gia súc). Vì điều kiện nhu cầu cơ bản như nước sinh hoạt và hệ thống vệ sinh chưa đầy đủ ở vùng mục tiêu là vùng sâu và những thôn nằm rải rác, chương trình này nên ưu tiên hỗ trợ tăng sản lượng bằng nông - lâm kết hợp và tăng cường cải thiện nhu cầu cơ bản của con người.

(2) Rừng phòng hộ thuộc Đơn vị Lâm nghiệp xã Ngọc Tem (Tiểu khu 429, 415, 414)

a. Hoạt động khai thác gỗ

Vùng nằm ở phía Nam xã Ngọc Tem và nằm giữa 2 vùng phòng hộ, tiểu khu 415 là một vùng quan trọng của hành lang sinh học nối hai vùng phòng hộ. Hoạt động khai thác gỗ ở đây khó có thể thực hiện được nếu không xây dựng đường khai thác gỗ xuyên qua hành lang sinh học. Nên cho phép hoạt động khai thác gỗ thương mại ở vùng này.

b. Khôi phục rừng thứ sinh tự nhiên và rừng cây bụi

Giống như (1) b, về cơ bản vùng này được quản lý để sản xuất gỗ. Vì vậy, rừng cây bụi và thứ sinh được phép chuyển thành rừng trồng. Tuy nhiên, do vùng này là

những khu rừng sản xuất xa xôi, hẻo lánh và việc thể hiện chức năng của rừng sản xuất còn hạn chế nên vùng này cần được quản lý như là vùng được bảo vệ xung quanh và được gộp vào những cánh rừng phòng hộ trong tương lai.

c. Các hoạt động trồng rừng

Giống như (1) c. ở trên.

d. Các chương trình hỗ trợ buôn làng

Giống như (1) d. ở trên.

(3) Rừng sản xuất do Đơn vị Lâm nghiệp xã Dak Ring quản lý

a. Hoạt động khai thác gỗ

Vùng này nằm ở vùng phía Bắc của xã Dak Ring và đang gặp khó khăn về giao thông. Thật khó xây dựng đường lâm nghiệp về phương diện kinh tế vì đơn vị rừng phòng hộ có hạn chế trong việc thực hiện sản xuất gỗ liên tục. Vì vậy, trong qui hoạch tổng thể này, không lập kế hoạch khai thác gỗ cho vùng này. Trong trường hợp mà có một con đường công cộng mới nối với vùng này từ tỉnh Quảng Ngãi thì kế hoạch khai thác gỗ có thể được cân nhắc lại.

b. Phục hồi rừng cây bụi và rừng thứ sinh tự nhiên

Các hoạt động thực hiện trong vùng này theo chính sách được đề cập trong (1) b. Phía Đông của tiểu khu 372 có nhiều đất đồng cỏ. Những diện tích đất này hầu hết là những vùng mục tiêu của chương trình hỗ trợ dân làng. Không lập kế hoạch đặc biệt để khôi phục lâm phần bằng sự chủ động của đơn vị lâm nghiệp xã.

c. Hoạt động trồng rừng

Các hoạt động diễn ra ở vùng này sẽ được tiến hành theo chính sách đề cập ở (1) c ở trên. Tuy nhiên, loài cây trồng nên được lựa chọn không chỉ là những loài cây trong rừng tự nhiên mà còn cả những loài cây trồng công nghiệp như thông nhựa.

d. Chương trình hỗ trợ bản làng

Giống như (1) d. ở trên

(4) Những cánh rừng phòng hộ do các LT quản lý

a. Hoạt động khai thác gỗ

Tiểu khu 439, 440, 493 ở Lâm trường Măng La nên được xử lý giống như (1) a. Tiểu khu 500 là phần quan trọng nhất trong hành lang sinh học nối Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Ka Kinh với rừng phòng hộ Thạch Nham. Hoạt động khai thác gỗ nên được tránh hoàn toàn. Nhìn chung, không có tác động nào của con người vào tiểu khu 500, trừ nghiên cứu học tập có thể sẽ có trong tương lai. Dân làng sống trong tiểu khu 500 sẽ không chặt cây to, trừ những dịp truyền thống đặc biệt được nhà chức trách chấp nhận. Trong trường hợp này, các kế hoạch lồng ghép sẽ được áp dụng trong chương trình hỗ trợ buôn làng sẽ được trình bày sau.

Tiểu khu 484, 485, 489 và 477 của LT Măng Cành I và Tiểu khu 521 của LT Măng Đen, Tiểu khu 474 của LT Măng Cành II, Tiểu khu 442, 448, 455, 461, 462 và 467 của LT Dak Ruong nên được quản lý ở mức giống như những vùng phòng hộ xung yếu. Những vùng này được phép khai thác gỗ ở mức thấp hơn và các thời kỳ quay vòng chặt chọn dài hơn là những lâm phần bình thường được chặt chọn. Những cây được chặt nên được lựa chọn theo qui định và tiêu chuẩn của Việt Nam trừ những cây hữu như đã chết và với thân cây rỗng già nên được giữ lại để làm tổ cho động vật hoang dã thậm chí nếu những cây này đã đánh dấu là lâm phần khai thác. Những lâm phần quá thành thực nên được coi là khối lượng đã khai thác và khối lượng này nên được tính trong tổng mức hạn định của chặt chọn.

Trong vùng đỉnh đôi xung quanh tiểu khu 461 và 462 gần sông Dak Nghe, loài Du sam đã được phát hiện ở đây. Về mặt bảo tồn đa dạng sinh học thì vùng này nên loại ra khỏi vùng chặt chọn. Loài cây này không nên được lựa chọn để khai thác trong toàn vùng rừng phòng hộ được xác định giống như những vùng phòng hộ xung yếu.

b. Phục hồi rừng cây bụi và rừng thứ sinh tự nhiên

Rừng cây bụi và rừng thứ sinh non, trừ những vùng mục tiêu cho chương trình hỗ trợ dân cư, có thể sẽ nâng cao sản xuất gỗ cùng với việc cải tạo lâm phần bằng việc quản lý rừng tự nhiên. Kiểm soát sự xâm lấn do canh tác nương rẫy vào rừng để duy trì sản lượng bền vững là việc làm có ý nghĩa, vì vậy tạo cơ hội có thu nhập cho dân làng là một mặt quan trọng. Do đó, những vùng xung quanh vùng mục tiêu của chương trình hỗ trợ dân làng thì các LT nên sắp xếp việc làm khoán để khôi phục rừng (trồng thêm, tái sinh rừng thứ sinh tự nhiên). Hợp đồng khoán và công việc khoán nên được thực hiện giống với cách ở (1)b ở trên.

c. Hoạt động trồng rừng

Trong những vùng này, đất đồng cỏ không mở rộng thành vùng rộng lớn trừ vùng phía Nam thuộc sự quản lý của LT Măng Cành. Rừng phòng hộ được hy vọng là sẽ có được cấu trúc tương tự như những cánh rừng tự nhiên xung quanh. Vì vậy, vùng đất đồng cỏ có diện tích dưới 2 ha được hy vọng là sẽ tái sinh tự nhiên.

Trong những vùng có diện tích rộng hơn 2 ha và không có những cây mẹ ở tiểu khu 455, 461, 462, 467 trong LT Dak Ruong và tiểu khu 521 trong LT Măng Đen, cây thông sẽ được trồng lại. Đặc biệt là tiểu khu 521 nên được xem xét khi có nhiều đồng cỏ bị canh tác nương rẫy làm ảnh hưởng.

Trong tiểu khu 484, 485 và 489 do LT Măng Cành I quản lý, tỷ lệ phần trăm đáng kể của đất đồng cỏ đã được trồng thông nhựa. Tuy nhiên, cây được trồng không thể hiện rằng ở đây có điều kiện phát triển tốt. Nguyên nhân này chưa được xác định nhưng được coi là bị ảnh hưởng bởi sâu bệnh, điều kiện đất đai xấu và canh tác nương rẫy được lặp lại. Những diện tích đồng cỏ còn lại khá hơn trong điều kiện môi trường xấu, vì vậy những hoạt động trồng rừng mới tốt hơn là chờ đến khi điều kiện đất đai được thay đổi làm cho lớp mùn dày hơn.

d. Chương trình hỗ trợ dân cư địa phương

Trong khu vực quản lý của LT Măng Cành II, Dak Ruong và Tân Lập, những chương trình hỗ trợ dân làng nên được thực hiện theo (6)d được trình bày dưới đây. Tiểu khu 521 ở LT Măng Đen, chương trình hỗ trợ dân làng sẽ được triển khai cùng

với việc xem xét ngăn chặn canh tác nương rẫy là ưu tiên hàng đầu. Ngân sách do chương trình 661 cung cấp có thể được sử dụng cho mục đích này một cách có hiệu quả.

(5) Rừng sản xuất do các lâm trường quản lý

a. Khai thác

Khai thác chọn được lên kế hoạch cho vùng rừng sản xuất này. Phương thức khai thác chọn phải phù hợp với quy định của Việt Nam. Chính phủ hướng dẫn các nguyên tắc như sau:

- Cấm khai thác ở những rừng đã bị cạn kiệt cho đến khi đạt được chu kỳ khai thác, theo quy định của nhà nước là 35 năm sau lần khai thác trước.
- Những vùng rừng đã đến chu kỳ khai thác lần II và có được sự chấp thuận của các cấp thẩm quyền thì mới được khai thác.
- Các đơn vị sản xuất chỉ có thể bắt đầu các hoạt động khai thác sau khi có được tất cả các số liệu liên quan. Và trong bất cứ trường hợp nào, các đơn vị sản xuất cũng phải tuân thủ những quy định đã được ghi trong thiết kế khai thác. Cụ thể, chỉ những cây đã được đánh dấu (bài cây) thì mới được chặt và khối lượng khai thác quy định trong thiết kế khai thác phải tuân thủ một cách nghiêm ngặt. Nhất thiết tránh tình trạng những cây dễ thì chặt, những cây khó thì để lại.
- Sau khi khai thác xong cần phải báo cáo, mời nhân viên kiểm lâm và các kỹ thuật viên đến để thanh tra xem các thủ tục khai thác có được tuân thủ hay không, các công đoạn vệ sinh rừng có được thực hiện không và có đảm bảo được điều kiện thích hợp cho sự phát triển của các cây khác hay không.

Công việc giám sát rất quan trọng để đảm bảo việc thực hiện hoạt động khai thác ở trên. Đề nghị các cán bộ lâm trường giám sát công việc của các nhà thầu và phát hiện ra những khác biệt giữa thiết kế khai thác và kết quả khai thác ngay cả khi những kết quả này là ngẫu nhiên tất yếu. Việc giám sát hàng ngày giúp khám phá ra những thiệt hại do những việc ngẫu nhiên không mong đợi gây ra. Nên đặc biệt chú ý tới những điểm sau đây như là phương tiện của các hoạt động giám sát.

Ở Việt Nam, về cơ bản, việc lựa chọn (bài chặt) các lâm phần khai thác là do các kỹ thuật viên của FIPI phối hợp với các cán bộ điều tra có đủ kinh nghiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thực hiện. Những cây được chọn khai thác sẽ được đóng búa ở ba điểm trên thân cây. Điểm quan trọng nhất để giữ được rừng bền vững là tuân thủ chu kỳ khai thác một cách nghiêm ngặt. Đối với điều này các cơ quan chức năng, chẳng hạn như Chi Cục Phát triển Lâm nghiệp của tỉnh cần phải lưu giữ bản đồ thiết kế khai thác hơn 40 năm để xác định chu kỳ khai thác của vùng rừng được xin phép khai thác. Các cấp chính quyền có liên quan cũng cần phải trình bày bản đồ này cho tất cả các thành phần có liên quan. Việc trình bày một cách rõ ràng những bản đồ này là một điều hết sức quan trọng và hiệu quả để gây áp lực trên các cơ quan quản lý và những nhà thầu khai thác rừng, nếu họ làm điều gì trái với áp lực thì sẽ bị phát hiện.

Điểm thứ hai là không được khai thác những cây chưa có đóng búa. Khi khai thác, khó lòng tránh khỏi được việc làm đổ ngã những cây trên đường kéo (kéo bằng xe kéo) và gây tổn hại đến những cây còn lại khi vận chuyển. Làm thế nào để giảm đi việc đổ ngã số lượng cây không được đóng búa là một điểm quan trọng nữa khi thanh tra kết quả khai thác. Nhìn chung, ở quốc gia nào cũng vậy, những người khai thác thường mong khai thác ở những lâm phần có trữ lượng cao, và họ thường khai

thác một khối lượng dôi ra. Để đối phó với hiện tượng này, mới đây có một phong trào trên toàn thế giới, đó là các nhân viên thanh tra dân sự sẽ được triển khai cùng với các cán bộ để quan sát và theo dõi bản thân việc thanh tra. Một hệ thống các nhân viên thanh tra dân sự có thể sẽ không phù hợp với Việt Nam và có thể sẽ khó lòng triển khai ở những vùng sâu vùng xa. Vì lẽ đó, các nhân viên kiểm lâm sẽ phải làm việc như là các thanh tra viên dân sự.

Không nhất thiết phải lập lại các tiến trình quan trọng, chỉ cần nói rằng các nhân điều tra của FIPI và DARD sẽ làm việc trên căn bản thực hiện nghiêm ngặt các tiêu chuẩn của họ ở khắp nơi.

b. Phục hồi rừng thứ sinh tự nhiên và cây bụi

Vùng mục tiêu chủ yếu phân bố trong khu vực thuộc Lâm trường Đăk Ruông và Măng Đen. Rừng thứ sinh và rừng cây bụi nằm rải rác bên ngoài vùng mục tiêu của chương trình hỗ trợ bản làng trong khu vực này có thể cho được cấu trúc chủng loại gỗ có lợi hơn. Tuy nhiên, việc lâm trường quản lý trực tiếp việc trồng rừng ở quy mô nhỏ và rải rác sẽ không dễ do giới hạn về nguồn nhân lực. Không nên trồng cây để làm giàu rừng trong khu vực này trừ trường hợp những công việc đó được thực hiện ở dạng hợp đồng với những cư dân sống chung quanh.

c. Trồng rừng

Đất đồng cỏ hiện có nằm ngoài vùng mục tiêu cho chương trình hỗ trợ dân làng nên chuyển thành rừng trồng là lâm sản xuất nhiều hơn. Vì vậy, những vùng chủ yếu nằm ở khu vực có độ cao trên 1.000 m so với mặt biển, cây thông có thể là phù hợp nhất cho mục đích công nghiệp. Nếu có thể, các hoạt động trồng rừng sẽ được thực hiện theo cơ sở khoán với người dân địa phương, đặc biệt là dân làng có quyền sử dụng đất thông qua chương trình hỗ trợ dân làng. Loại hợp đồng này có thể không chỉ tạo cơ hội có thu nhập cho người dân địa phương mà còn đóng góp vào việc kiểm soát sự mở rộng đất đồng cỏ do canh tác nương rẫy.

d. Chương trình hỗ trợ buôn làng

Những vùng đất trồng trọt cơ bản cần phải được bảo vệ để sử dụng, đặc biệt là những thửa ruộng hẹp nằm dọc theo các nguồn nước giữa rừng già. Mon - Khor me là cộng đồng người dân tộc đa số ở xã Măng Cành, Hiếu, Pờ Ê, chủ yếu là canh tác lúa nước. Do vậy, chương trình hỗ trợ bản làng cần phải ưu tiên số một là nâng cao năng suất lúa nước và duy trì nguồn nước. Ưu tiên số hai có thể là tập trung trồng cây ăn trái chung quanh vùng đồng cỏ và nông nghiệp chăn thả. Người Mon - Khor me không thích phát triển nông lâm kết hợp, do vậy, công tác nông lâm kết hợp ở nơi đây có thể mất thời gian dài hơn.

Tại khu vực Lâm trường Măng Đen đại đa số là dân tộc Bana. Họ canh tác nương rẫy dọc theo sông Đăk Pnê và các sườn đồi ở phía Nam sông Đăk Bla. Đối với khu vực này, chương trình hỗ trợ dân làng phải dành ưu tiên hàng đầu cho việc phát triển nông - lâm kết hợp, chấm dứt việc bành trướng canh tác du canh. Ưu tiên thứ hai có thể là hợp đồng trực tiếp trồng cây công nghiệp, liên kết với việc phát triển trang trại.

Khu vực xã Đăk Ruông đại đa số là dân tộc Xê Đăng. Họ trồng sắn trên các sườn đồi. Chương trình hỗ trợ bản làng cần phải dành ưu tiên hàng đầu để thay đổi đất cây bụi thành đồn điền cây công nghiệp dưới hình thức hợp đồng, đặc biệt là những vùng sườn đồi nối liền với đất bằng ở phía bờ Tây sông Đăk Kôi. Đồng cỏ và rừng

cây bụi nên được giao khoán cho các hộ gia đình và khuyến khích trồng cây công nghiệp do công ty giấy hỗ trợ. Nếu có thể các lâm trường sẽ làm trung gian giữa dân làng và các công ty giấy.

Khu vực thuộc lâm trường Tân Lập đại đa số là dân tộc Mơ Nâm và Xê Đăng. Đồng cỏ không lớn lắm. Các dân tộc này canh tác lúa dọc theo sông Đăk Nghé là chính và canh tác đất dốc thì không lớn lắm. Do đó chương trình hỗ trợ bản làng có thể tập trung vào việc nâng cao năng suất cho các đồng lúa của họ. Các buôn khác nằm trong vùng rừng tự nhiên trong các điều kiện cách trở. Ưu tiên hàng đầu cho chương trình hỗ trợ buôn làng đối với những người dân này có thể là nâng cao nhu cầu cơ bản của con người (nước uống, cơ sở hạ tầng, chăm sóc sức khoẻ . v.v.) và tìm cho họ các nguồn thu nhập tiền mặt. Lâm trường có thể cho họ quyền hợp đồng thu gom những loại dược thảo từ rừng tự nhiên. Lâm trường có thể đóng vai trò trung gian giữa dân làng và những người mua bán lẻ ở thị xã. ở vùng đất bằng nơi có thể canh tác lúa được thì việc cải thiện hệ thống thuỷ lợi cũng là một điều đem lại hiệu quả và cũng nên kêu gọi cư dân ở những vùng này tham gia vào việc bảo vệ rừng đặc biệt là chống lại việc săn bắn bất hợp pháp.

(6) Rừng phòng hộ do các đơn vị lâm nghiệp xã Măng Bút, Dak Koi và Dak Ring quản lý (Tiểu khu 374, 376-385, 390-392, 405, 409, 453, 459)

a. Hoạt động khai thác gỗ

Các hoạt động khai thác với mục đích thương mại phải được cấm tuyệt đối trong toàn vùng. Đặc biệt, xã Dak Ring được xét là có những cánh rừng tự nhiên quan trọng và là hành lang sinh học. Việc người dân đốn chặt cây được xử lý giống với (1)a ở trên. Trong tiểu khu 405 và 409, do canh tác nương rẫy đang mở rộng, nên đòi hỏi phải tiến hành giám sát và tuần tra đầy đủ.

b. Phục hồi rừng thứ sinh tự nhiên và cây bụi

Có những thảm rừng thứ sinh đã xuống cấp ở tiểu khu 405, 409, 448 và 459. Những khu rừng này bị nạn cháy rừng đe dọa. Do đó, những vùng đất nông nghiệp phía trước cần phải được xử lý phục hồi. Nếu có thể thì hợp đồng nhóm theo chương trình 661. Để bảo vệ rừng khỏi bị phá hoại do du canh, bất cứ hoạt động nào cũng phải dựa trên căn bản phối hợp nỗ lực với dân làng. Vì vậy, các cán bộ bảo vệ rừng ở cấp xã nên hoạt động như là những người tổ chức tốt và là những cán bộ chủ chốt trong việc hình thành nhóm. Những nguyên tắc được áp dụng cho việc phục hồi rừng thứ sinh cũng giống như những nguyên tắc được nói đến ở (1) b. ở trên.

Những khu vực ở xã Đăk Ring cũng nên được xử lý giống như rừng phòng hộ Thạch Nham được nói đến ở (1) b.

c. Trồng rừng

Giống như (1) c. ở trên.

d. Các chương trình hỗ trợ buôn làng

Giống như (1) d. ở trên.

(7) Rừng sản xuất do các đơn vị xã quản lý (Măng Bút, Đăk Kôi, Đăk Ruồng, Konplông, Tân Lập, Đăk Tre).

a. Khai thác gỗ

Khai thác gỗ thương phẩm không được lên kế hoạch.

b. Phục hồi rừng thứ sinh và cây bụi

Các hoạt động phục hồi không được lên kế hoạch, ngoại trừ những vùng nằm trong chương trình hỗ trợ dân cư.

c. Trồng rừng

Trừ những vùng mục tiêu của chương trình hỗ trợ bản làng, đất đồng cỏ và cây bụi là những mục tiêu chính để trồng cây công nghiệp. Trồng các loại cây ngắn ngày sẽ thích hợp hơn cho việc chuẩn bị nguyên liệu làm bột giấy và giấy. Có thể hợp đồng trồng cây với các lâm trường hoặc trực tiếp với các công ty trồng rừng. Tuy nhiên, giao đất cho các công ty trồng rừng là một trong những chọn lựa có thể đem lại hiệu quả.

d. Các chương trình hỗ trợ buôn làng

Giống như (6) d. ở trên. Cần phải xem xét lại thực đơn với sự tham gia của người dân sau khi kiểm tra các điểm hoạt động của lâm trường và điều kiện của các nhóm mục tiêu.

3.6 Những mục tiêu tập trung dài hạn về quản lý rừng ở huyện Kong Plong

Giả thiết rằng tất cả rừng ở huyện Kong Plong sẽ được quản lý thỏa đáng trong một thời gian dài, có trồng rừng và có sự tham gia của người dân vào việc bảo tồn và quản lý rừng dựa trên quan điểm của quy hoạch tổng thể này, thì đó là bức tranh tổng thể về mục tiêu tập trung dài hạn của chúng ta. Giá trị của mục tiêu này là cái đích của một tầm nhìn lâu dài và là lý tưởng đến mức tối đa. Một kế hoạch thực hiện để đạt được mục tiêu này đối với qui mô nào trong 10 hay 20 năm nên được xác định theo điều tra nghiên cứu trình độ kỹ thuật thực tế, nguồn nhân lực, tài chính và các yếu tố hiệu quả khác.

Những mục tiêu tập trung dài hạn được ước tính căn cứ vào những quan điểm sau đây:

- 1) Những khu rừng phòng hộ và rừng tự nhiên hiện có không bị khai thác sẽ phát triển thành rừng tự nhiên cực đỉnh và duy trì được hiện trạng.
- 2) Những khu rừng phòng hộ, đồng cỏ hiện có và đất trống không bị khai thác thì sẽ được phục hồi tự nhiên hay nhân tạo, được chuyển thành đất lâm nghiệp và sau đó sẽ thành lâm phần có loại rừng tương tự như là rừng tự nhiên.
- 3) Trong rừng tự nhiên được chọn cho sản xuất gỗ ở những diện tích do các LT quản lý, chặt chọn với chu kỳ chặt 35 năm sẽ được thực hiện, cùng với những khu rừng được quản lý và được giữ gìn như rừng tự nhiên thành thực.
- 4) Đất đồng cỏ ở những vùng thuộc quyền quản lý của các LT, ngoại trừ những vùng nằm trong chương trình hỗ trợ dân cư, sẽ được trồng rừng, tiếp tục quản lý và giám sát như là rừng trồng để cho LT tiến hành chặt chọn. Đồng thời, những vùng để tái sinh tự nhiên sẽ mọc thành rừng thứ sinh và cuối cùng thành rừng thứ sinh thành thực.

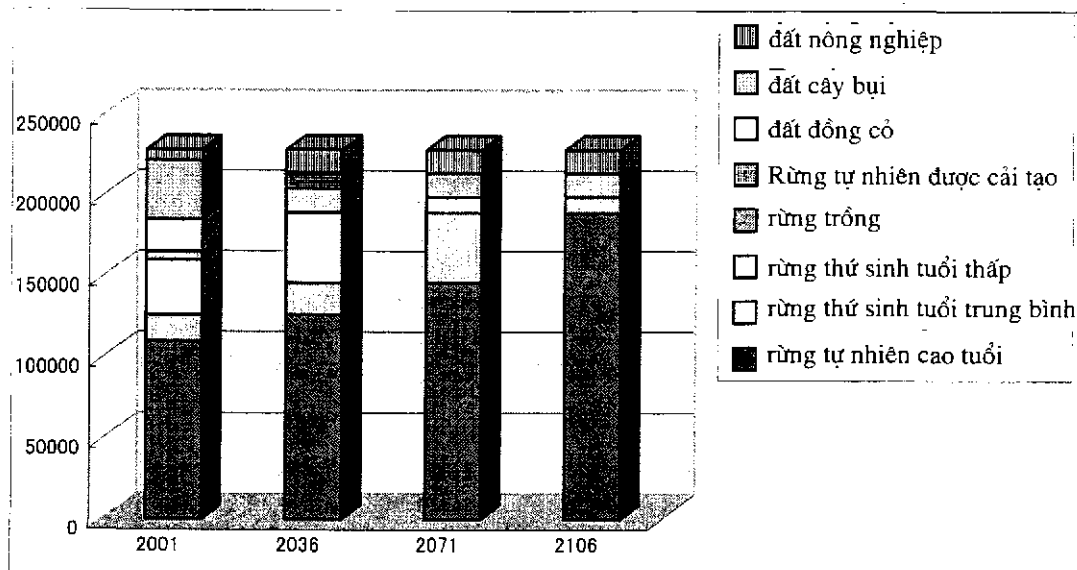
- 5) Rừng tự nhiên thành thực dưới quyền quản lý của xã sẽ tiếp tục được giám sát và quản lý để duy trì thành rừng cực đỉnh. Rừng thứ sinh có tán thưa hay chưa thành thực cùng với những lâm phần biệt lập sẽ mọc thành rừng thứ sinh thành thực theo thời gian. Diện tích đất trù đất đồng cỏ trong những vùng dưới quyền quản lý của xã và rừng cây bụi sẽ được trồng rừng thì được để lại cho tái sinh tự nhiên thành rừng thứ sinh thành thực.
- 6) Những vùng đồng cỏ và đất trống đã được xác định nằm trong các chương trình hỗ trợ dân làng sẽ được chuyển thành những ruộng lúa nước, những cánh đồng trên đất dốc và những vùng cho nông - lâm kết hợp (tất cả được phân loại là 'đất cho mục đích nông nghiệp' để tính toán) như là một phần của các chương trình đó và bị loại trừ ra khỏi 'rừng'. Đất đồng cỏ và cây bụi trong những vùng cách cộng đồng dân cư dưới 1 km và không giành cho mục đích nông nghiệp, sẽ được để lại cho tái sinh tự nhiên và được giám sát trong tương lai, theo những biến động tương tự như đất đồng cỏ và cây bụi ở những vùng tái sinh tự nhiên dưới quyền quản lý của các LT và xã. Tuy nhiên, trong trường hợp gia tăng dân số hoặc do tự nhiên hoặc do chính sách nhập cư của Chính phủ, nên xem xét những vùng này như là đất để dự trữ, có thể sau này sẽ được chuyển cho mục đích nông nghiệp.

Dựa vào những giả thiết trên đây, thì có thể rừng trong những vùng mục tiêu của kế hoạch tổng thể này qua tiến trình được trình bày trong Hình I-3.6.1 và Bảng I-3.6.1 dưới đây sẽ phát triển thành rừng tự nhiên thành thực với diện tích 190.000 ha chiếm 83% của diện tích 229.000 ha toàn vùng có rừng tự nhiên thành thực. Về phần đất nông nghiệp, giả thiết là chương trình hỗ trợ dân làng trong tương lai sẽ được thực hiện trong 35 năm đầu để sử dụng đất đó như là ruộng lúa nước và các cánh đồng trên đất dốc hay đất nông - lâm kết hợp. Diện tích hiện có khoảng 6.800 ha sẽ được tăng lên hơn 2 lần là 14.600 ha, giúp xoá đói và tạo cơ hội có thu nhập. Những lâm phần rừng trồng hiện nay có khoảng 5.300 ha sẽ tăng lên khoảng 3 lần là 15.100 ha. Những lâm phần rừng trồng sau cùng trong vùng rừng phòng hộ (vùng bảo vệ rất xung yếu) sẽ được chuyển thành rừng tự nhiên. Mặc dù tất cả sẽ giảm dần về diện tích, nhưng sau 100 năm 14.600 ha sẽ vẫn được duy trì. Dự đoán này được dựa trên giả thiết là các lâm phần rừng trồng sẽ được khai thác với luân kỳ 30-70 năm, và sẽ được trồng lại rừng sau khi khai thác.

Bảng I-3.6.1 Mục tiêu sử dụng đất và điều kiệnj rừng

(ha)					
Năm	Rừng tự nhiên thuần thực	Rừng thứ sinh	Rừng thứ sinh non	Rừng trồng	Rừng tự nhiên phục hồi
2001	109.825,58	16.203,87	33.874,73	5.301,25	0,00
2036	126.029,44	20.018,43	43.350,68	15.076,23	9.593,11
2071	146.047,88	43.350,68	9.593,11	15.076,23	0,00
2106	189.398,56	10.049,73	0,00	14.619,60	0,00
thời điểm	đất đồng cỏ	đất cây bụi	đất nông nghiệp	tổng cộng	
2001	19.816,36	36.840,95	6.783,37	228.646,11	
2036			14.578,21	228.646,11	
2071			14.578,21	228.646,11	
2106			14.578,21	228.646,11	

Chú ý: Rừng tự nhiên cao tuổi tương đương với rừng nguyên sinh hiện nay và rừng thứ sinh lá rộng loại 1. Rừng thứ sinh tuổi trung bình tương đương với rừng thứ sinh lá rộng loại 2, rừng thứ sinh thấp tuổi tương đương với rừng thứ sinh lá rộng loại 3 và rừng nửa rụng lá hay rừng thưa. Rừng tự nhiên được cải tạo là vùng rừng cây bụi được cải tạo thành rừng thứ sinh tuổi trung bình sau khoảng 70 năm. Dự đoán các đồng cỏ và rừng cây bụi sẽ phát triển tự nhiên thành rừng thứ sinh tuổi thấp sau 35 năm.



Hình I-3.6.1 Diện tích của rừng và mục tiêu dài hạn (ha)

3.7 Các biện pháp để chỉ rõ những diện tích cho các hoạt động lâm nghiệp

Theo những quy định về quản lý rừng được diễn tả ở mục trước, những diện tích mục tiêu cho quá trình hoạt động đã được ước tính cho từng tổ chức quản lý bằng cách áp dụng những phân tích vĩ mô riêng biệt về rừng trong vùng Nghiên cứu. Ước tính này có được duy nhất từ các phân tích vĩ mô, do đó giao đất một cách rõ ràng như hỗ trợ xây dựng ruộng lúa nước và hỗ trợ nông lâm kết hợp và bảo vệ nguồn nước sinh hoạt trong chương trình hỗ trợ dân làng nên được xác định ngay từ khâu thảo luận để lập các kế hoạch quản lý có các thực thể quản lý tương ứng theo các nguyên tắc của biện pháp ước tính được trình bày ở đây, sau đó đánh giá đầy đủ các cộng đồng riêng biệt hay những ruộng lúa hoặc cánh đồng trên đất dốc đã được sử dụng trong thực tế, hay đất đồng cỏ không được quản lý.

Những điểm cốt yếu của quá trình này và các kết quả của quá trình ước tính này được trình bày dưới đây. Công việc ước tính chi tiết và các kết quả được trình bày trong tài liệu đính kèm.

(1) Rừng bảo vệ đầu nguồn và bảo vệ đất nên được lưu ý đến.

Mục tiêu của việc thực hiện các hoạt động lâm nghiệp hợp lý đồng thời xem xét đến nguồn nước, bảo vệ đất và đất đai sẽ được thực hiện thông qua việc xác định rõ các địa điểm mà việc khai thác ở đó có khả năng gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đối với những chức năng này và tránh khai thác ở những địa điểm như vậy. Trong trường hợp một khu rừng được cho là trong tình trạng gần đạt đến cực đỉnh thì bản thân cánh rừng đó được coi là có độ tàn che phù hợp nhất đối với vị trí đó. Những khác biệt về chất lượng rừng có thể phản ánh sự khác nhau về các loại đất bên trong. Theo đó, trong những trường hợp mà tỷ lệ che phủ của rừng không được quan tâm đến, thì mức độ ảnh hưởng mà nó gây ra gắn bó chặt chẽ với các điều kiện của địa phương.

Trong chương này, những tác động tiêu cực đối với các chức năng của rừng do khai thác được đánh giá để xác định những khu rừng nào không nên khai thác. Các chức năng của rừng được đánh giá bằng biện pháp phân tích mắt lưới. Trên một bản đồ địa hình với tỷ lệ 1:50.000, một mắt lưới 1 cm được vẽ ra và đối với mỗi ô vuông mắt lưới, có một số đường viền (độ nghiêng) trong ô vuông đó, số lượng các con suối đi qua 4 mặt của hình vuông đó (phức hợp địa hình) và phân loại địa hình được ghi vào và sau đó từ bộ 3 yếu

tổ này, các ảnh hưởng tiêu cực đối với nguồn nước và đối với việc bảo vệ đất và đất đai được đánh giá. Cuối cùng, những nơi nên có sự cẩn trọng trong các hoạt động khai thác được xác định có xét đến 3 chức năng này.

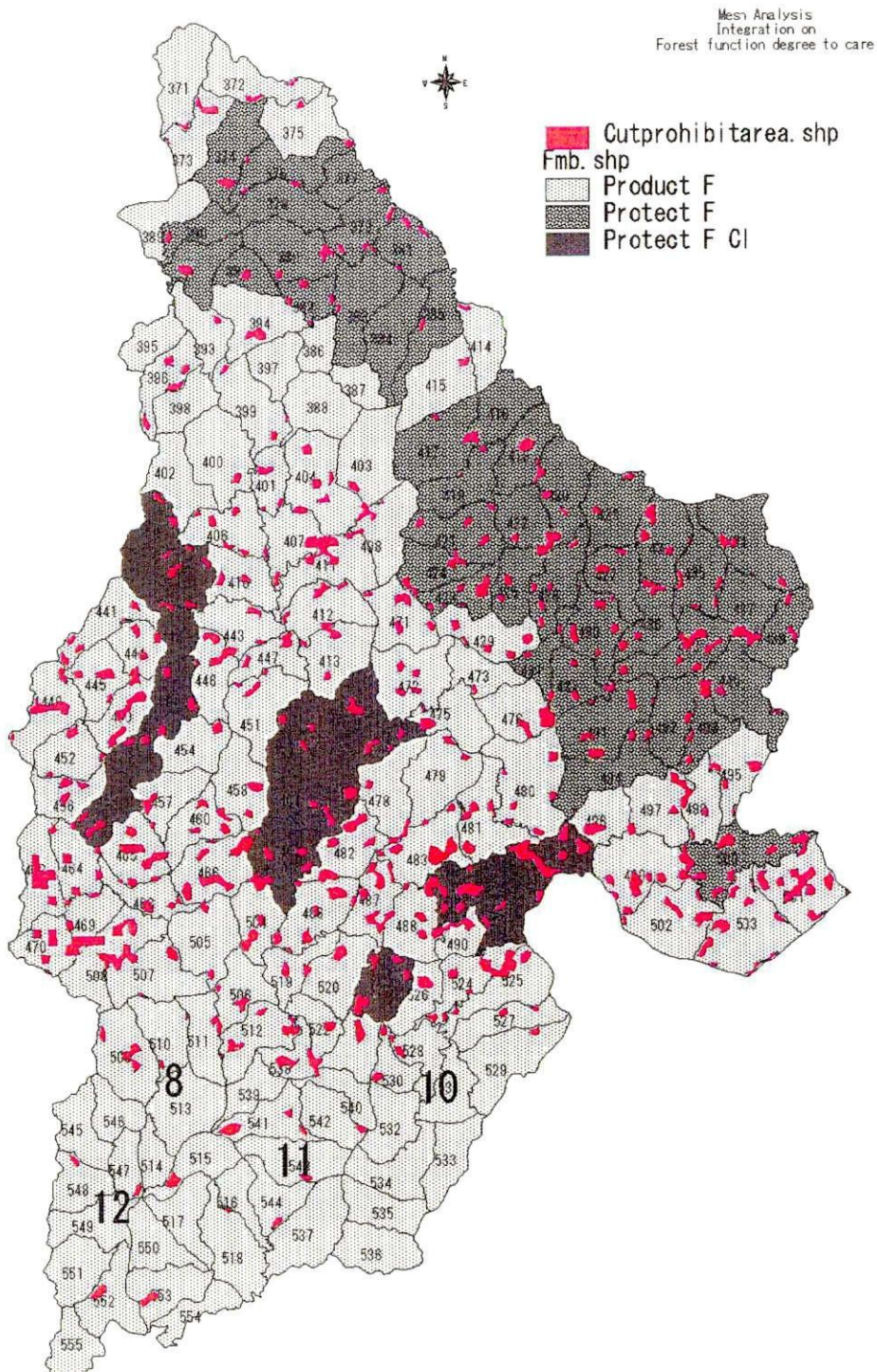
Các kết quả của việc đánh giá toàn diện này chỉ ra rằng những vùng không có đường đồng mức dốc, nhưng có địa hình gấp khúc, cần phải được quan tâm nhiều hơn những vùng nhìn chung là dốc, nhưng địa hình gấp khúc ít hơn hay một vùng bằng phẳng đơn lẻ không có các con suối nhỏ. Trong toàn huyện Kon Plông, có nhiều vùng đất dốc thuộc quyền quản lý của Ban quản lý rừng phòng hộ Thạch Nham nối với tỉnh Quảng Ngãi, mặc dù nhìn chung không gấp khúc về mặt địa hình. Mặt khác, trên diện tích thuộc các LT Măng Cành I và II, có những vùng tương đối ít dốc hơn, hơi gấp khúc, có nhiều suối và nhiều mắt lưới (những ô vuông kẻ trên bản đồ) đã được cho điểm cao. Hình I-3.7.1 và Bảng I-3.7.1 trình bày phân bố vùng cần quan tâm đặc biệt trong hoạt động lâm nghiệp, dựa trên kết quả của đánh giá toàn diện.

Từ phân tích ở trên, những lâm phần nên tránh bị khai thác và nên bị loại trừ ra khỏi những lâm phần mục tiêu cho khai thác bình thường ước tính vào khoảng 12.800 ha trong toàn huyện Kon Plông. Mặc dù vậy, nếu hạn chế những vùng dưới quyền quản lý của các LT lập kế hoạch sản xuất gỗ thực tế, thì khoảng 3.900 ha sẽ bị loại ra khỏi rừng quản lý, nơi mà khai thác gỗ và khai thác rừng được lên kế hoạch.

Trong những số liệu này, những vùng rừng có trữ lượng cây đứng cao phù hợp với khai thác gỗ được trình bày trong Bảng I-3.7.2 cho từng cơ quan quản lý rừng. Bởi vì khai thác gỗ chỉ được lập kế hoạch trong những vùng dưới quyền quản lý của các LT. Rừng với trữ lượng cây đứng cao bị loại ra khỏi những vùng mục tiêu cho khai thác gỗ với lý do là bảo vệ nguồn nước, đất và đất đai trong những vùng của LT đã được ước tính với tổng số khoảng 3.900 ha. Có khoảng 1.000 ha đất đồng cỏ được tính vào các kế hoạch trồng rừng hay chương trình hỗ trợ dân làng hy vọng sẽ được ưu tiên cao và có kết quả cao trong việc khôi phục lại thảm thực vật.

Bảng I-3.7.1 Diện tích của các điểm bị cấm khai thác để bảo vệ đầu nguồn, đất và đất đai theo cơ quan quản lý và theo phân loại rừng (ha)

Chủ thể quản lý rừng	Rừng bảo vệ	Rừng phòng hộ xung yếu	Rừng sản xuất	Tổng cộng
01 khu vực rừng phòng hộ Đắc Nhâm	1.859,85			1.859,85
02 xã Đăk Rìng	366,70		76,89	443,59
03 xã Ngọc Tem			126,34	126,34
04 xã Măng Bút		116,30	264,09	380,39
05 xã Đăk Koi		123,47	1.870,14	1.993,61
06 xã Đăk Ruông			829,17	829,17
08 xã Tân Lập			30,30	30,30
09 xã Đăk Tre			40,36	40,36
10 LT Tân Lập			597,42	597,42
11 LT Măng Cành II		167,46	730,23	897,69
12 LT Măng Cành I		699,29	1.454,52	2.153,80
13 LT Đăk Ruông		291,57	798,09	1.089,66
14 LT Măng La	530,52		1.202,07	1.732,59
15 LT Măng Đen		117,14	485,72	602,86
Tổng cộng	2.757,07	1.515,22	8.505,31	12.777,61



Hình I-3.7.1 Vị trí các địa điểm cấm khai thác gỗ để bảo vệ đầu nguồn, đất và đất đai theo cơ quan quản lý và theo phân loại rừng

Bảng I-3.7.2 Vùng rừng của các LT không đưa vào hoạt động khai thác gỗ để làm các chức năng bảo tồn rừng (ha)

Chủ thể quản lý rừng	Rừng sản xuất	Rừng nguyên sinh	Rừng thứ sinh loại 1	Rừng thứ sinh loại 2	Tổng cộng
10 Tân Lập	rừng sản xuất	288,97	262,99	0,10	552,05
11 Măng Cành II	rừng sản xuất	167,93	281,46	30,92	480,31
12 Măng Cành I	rừng sản xuất	131,65	380,57	0,74	512,96
13Đak Ruông	rừng sản xuất	103,72	195,11	7,67	306,50
14 Măng La	rừng sản xuất	495,30	642,03	11,30	1.148,63
15 Măng Đen	rừng sản xuất	148,39	15,79	96,25	260,43
Sub total		1.335,95	1.777,96	146,97	3.260,89
11 Măng Cành II	rừng phòng hộ bán nghiêm ngặt	88,92	39,27	7,60	135,79
12 Măng Cành I	rừng phòng hộ bán nghiêm ngặt	159,66	68,53	59,17	287,36
13Đak Ruông	rừng phòng hộ bán nghiêm ngặt	39,22	88,84	46,54	174,60
15 Măng Đen	rừng phòng hộ bán nghiêm ngặt	0,00	1,70	41,92	43,61
Tổng cộng		287,80	198,34	155,22	641,36
Tổng cộng		1.623,75	1.976,30	302,20	3.902,25

(2) Những vùng dốc khó khai thác gỗ

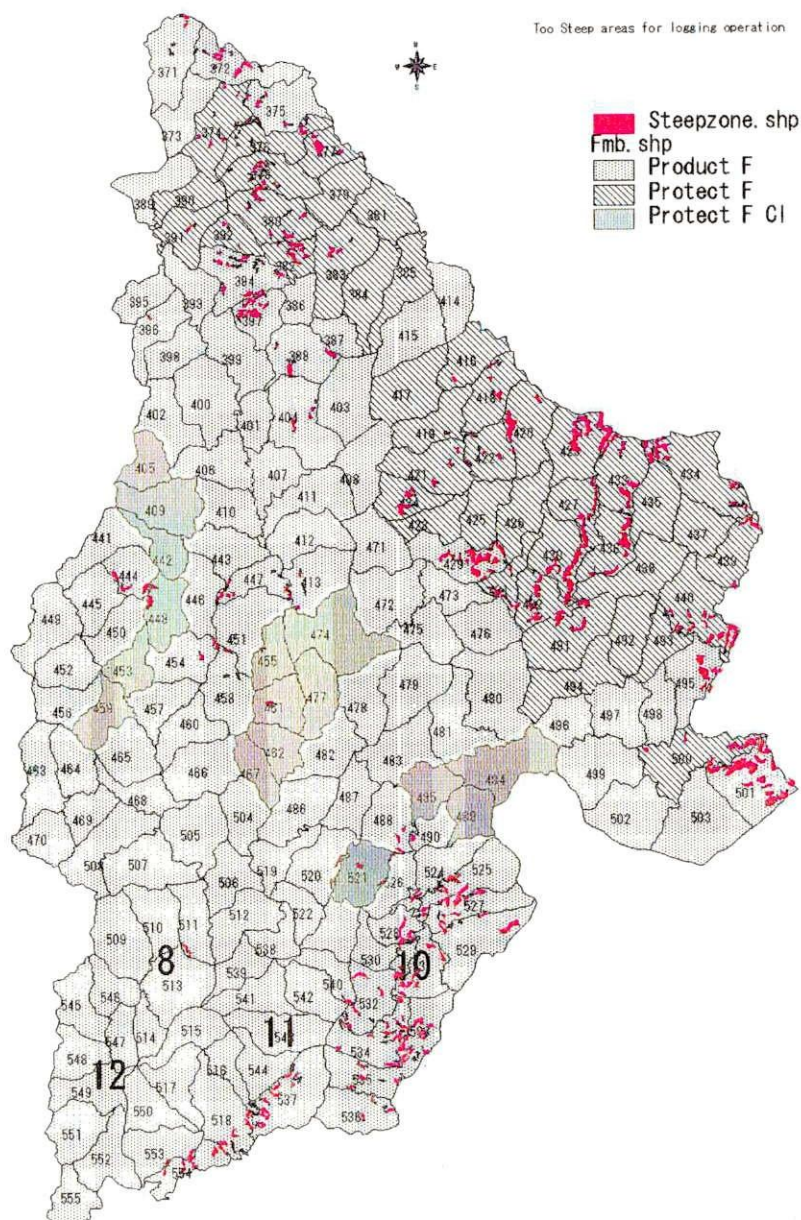
Ở những nơi đất dốc, các kỹ thuật kéo gỗ hiện nay sẽ đòi hỏi nhiều đường trượt và sẽ đe dọa làm ảnh hưởng đến nhiều diện tích của thảm mục rừng. Do đó, nên tránh các hoạt động khai thác gỗ ở những nơi mà độ dốc quá 30 độ. Có nhiều nơi dốc như vậy ở rừng phòng hộ Thạch Nham, rừng phòng hộ do xã Dak Ring quản lý và các vùng thuộc LT Măng La và Măng Đen. Sự phân bố của những vùng đất dốc được trình bày trong I-Hình I-3.7.2, những vùng cho từng cơ quan quản lý trong Bảng I-3.7.3, và so sánh tổng cộng các vùng quản lý với những vùng đất dốc cho cơ quan quản lý ở Hình I-3.7.7. Những nơi bị loại ra khỏi các hoạt động khai thác gỗ sẽ là những vùng đất dốc trong những cánh rừng được bảo vệ của các LT. Những vùng thuộc loại này thì giới hạn khoảng 1.200 ha trong tổng số 2.531 ha đất dốc.

Bảng I-3.7.3 Diện tích rừng loại ra khỏi hoạt động khai thác gỗ do có độ dốc cao theo phân loại chức năng rừng

Chủ thể quản lý rừng	Tổng diện tích	Vùng dốc ngoài đối tượng khai thác (ha)				Tỉ lệ (%)
		Rừng sản xuất	Rừng phòng hộ	Rừng phòng hộ xung yếu	Tổng cộng	
01 khu vực rừng phòng hộ Đắc Nham	33.469		1.372,87		1.372,87	4,1%
02 xã Đak Ring	23.647	155,72	426,89		582,61	2,5%
03 xã Ngọc Tem	4.004	204,14			204,14	5,1%
04 xã Măng Bút	10.945	3,71			3,71	0,0%
05 xã Đak Koi	19.381	75,21			75,21	0,4%
06 xã Đak Ruông	18.148	82,50			82,50	0,5%
07 thị xã Konplong	2.986	18,28			18,28	0,6%
08 xã Tân Lập	4.263	105,95			105,95	2,5%
09 xã Đak Tre	11.139	89,97			89,97	0,8%
10 LT Tân Lập	16.123	312,51			312,51	1,9%
11 LT Măng Cành II	13.894	20,61			20,61	0,1%
12 Măng Canh I	16.924	35,64			35,64	0,2%
13 DaK Ruong	14.266	70,54		48,45	119,00	0,8%
14 Măng La	18.055	452,41	333,69		786,10	4,4%
15 Măng Đen	21.393	904,23		12,53	916,76	4,3%
Tổng cộng	228.638	2.531,42	2.133,45	60,98	4.725,85	2,1%

Bảng I-3.7.4 Diện tích rừng bị loại ra khỏi hoạt động khai thác gỗ do có độ cao theo loại rừng (ha)

Phân loại	Rừng nguyên sinh	Rừng thứ sinh loại 1	Rừng thứ sinh loại 2	Tổng cộng
Rừng phòng hộ xung yếu	5,24	13,15	5,86	24,26
Rừng sản xuất	474,74	306,25	385,83	1.166,82
Tổng cộng	479,98	319,40	391,69	1.191,08
Rừng sản xuất theo từng xã				
10 LT Tân Lập	133,76	71,54	4,74	210,04
11 LT Măng Cành II	11,03	4,69	0,00	15,72
12 LT Măng Cành I	0,00	5,00	0,00	5,00
13 LT Đăk Ruông	1,43	31,53	19,45	52,42
14 LT Măng La	250,10	82,18	63,98	396,26
15 LT Măng Đen	78,41	111,32	297,66	487,39
Tổng cộng	474,74	306,25	385,83	1.166,82



Hình I-3.7.2 Vị trí các điểm bị loại ra khỏi hoạt động khai thác gỗ do có độ dốc cao